

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 270/2026/HS-ST

Ngày: 05-8-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Thanh Tiền

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quang Nhiên

Bà Phạm Thị Thanh Hà

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Đầu - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 328/2026/TLST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 383/2026/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 7 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 25 tháng 10 năm 2001 tại: Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp C M, xã M, tỉnh Tây Ninh; Chỗ ở: Không nơi ở nhất định; Nghề nghiệp: Làm bếp; Học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn N; con bà: Lý Thị Ngọc Q; Chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 16/5/2023 bị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian 15 (mười lăm) tháng, đến ngày 20/4/2024 đã chấp hành xong quyết định.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/02/2026 (có mặt tại phiên tòa).

2. Nguyễn Văn T1, sinh ngày 21 tháng 7 năm 1993 tại: Quảng Ngãi; giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm A, tổ dân phố H, xã S, tỉnh Quảng Ngãi (đã xóa hộ khẩu); Chỗ ở: A H, phường M, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Làm công; Học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn P; con bà: Nguyễn Thị N1; Có vợ tên Lý Thị Mỹ H (Chưa đăng ký kết hôn); Có 01 người con, sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/02/2026 (có mặt tại phiên tòa).

3. Nguyễn Quốc T2, sinh ngày 06 tháng 5 năm 1989 tại: Thành phố H; giới tính: Nam; Nơi thường trú: 218 lô B, chung cư L, phường M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Minh; Nghề nghiệp: Giữ xe; Học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T3; con bà: Trương Kim A; Chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 23/5/2023, bị Tòa án nhân dân Q2, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian 18 (mười tám) tháng, đến ngày 06/9/2024 đã chấp hành xong quyết định; Nhân thân: Ngày 14/3/2013, bị Ủy ban nhân dân Quận A1 (cũ) đưa vào cơ sở chữa bệnh với thời hạn 24 (hai mươi bốn) tháng, đến ngày 04/4/2015 đã chấp hành xong quyết định; Ngày 07/12/2017, bị Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian 21 (hai mươi một) tháng, đến ngày 16/9/2019 đã chấp hành xong quyết định.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/02/2026 (có mặt tại phiên tòa).

4. Châu Ngân G, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2003 tại: Đồng Tháp; giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 495/8 đường C, khu phố C, phường C, tỉnh Đồng Tháp; Chỗ ở: A H, phường M, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Làm công; Học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Châu Thế P1; con bà: Nguyễn Thị Hồng T4; Chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 16/4/2024, bị Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian 12 (mười hai) tháng, đến ngày 14/02/2025 đã chấp hành xong quyết định.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/02/2026 (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 06 giờ 15 phút ngày 20/01/2026, Công an phường B, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành kiểm tra hành chính khách sạn T5, số A H, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Qua kiểm tra, tại Phòng 203 của khách sạn do Nguyễn Hoàng T đang thuê, Cơ quan Công an đã tiến hành xét nghiệm nhanh kết quả T dương tính với ma túy, T khai hùn tiền với Châu Ngân G và Nguyễn Văn T1 để nhờ Nguyễn Quốc T2 đi mua ma túy mang về để T, G và T1 cùng nhau sử dụng nên tiến hành mời G, T1 và T2 đến Trụ sở làm việc, kết quả tất cả khai phù hợp với lời khai của T. Vụ việc sau đó được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an T6 để điều tra theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan điều tra các bị cáo Nguyễn Hoàng T, Nguyễn Văn T1, Châu N và Nguyễn Quốc T2 khai nhận cụ thể như sau: T, G và T1 là bạn bè quen biết với nhau từ trước và cùng nhau làm việc tại quán ăn, số A H, phường M, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 19/01/2026, do có nhu cầu sử dụng ma túy nên G rủ T hùn tiền mua ma túy sử dụng thì T đồng ý, G đưa cho T số tiền 295.000 đồng để T mua ma túy. T nói lại với Nguyễn Văn T1 (bạn bè quen ngoài xã hội của T) việc G rủ T sử dụng ma túy thì T1 đưa thêm cho T 5.000 đồng, tổng số tiền là 300.000 đồng để T1 mua ma túy (T1 góp 5.000 đồng). Đồng thời, T nói mượn T1 dụng cụ sử dụng ma túy thì T1 đồng ý. Sau đó, T đi bộ đến trước địa chỉ A H, phường M, Thành phố Hồ Chí Minh

gặp T2 để nhờ mua giùm 300.000 đồng ma túy thì T2 đồng ý. T2 đến khu vực cầu N gặp một người đàn ông tên thường gọi là “Tí” (không rõ lai lịch) để mua 300.000 đồng ma túy. Sau khi nhận được ma túy, T2 cầm ma túy mang về đưa cho T. Khoảng 23 giờ 30 ngày 19/01/2026, T cầm ma túy đưa cho T1, T1 cầm số ma túy trên vào trong nhà vệ sinh của quán ăn địa chỉ A H, phường M, Thành phố Hồ Chí Minh, tại đây, T1 mở ra thấy 01 gói nylon chứa ma túy nên T1 lấy ống thủy tinh đầu phễu dạng tròn (nỏ) rồi bỏ ma túy vào nỏ, dùng hộp quẹt đốt nóng nỏ rồi hút. Sau đó, T1 mang ống thủy tinh đầu phễu chứa ma túy đã sử dụng cho T, T thấy trong nỏ có ma túy đã sử dụng và còn ít nên biết T1 đã sử dụng nhưng do T1 hùn số tiền 5.000 đồng và cho mượn dụng cụ sử dụng ma túy (nỏ) nên T không nói gì. Khoảng 00 giờ 10 ngày 20/01/2026, do thấy ma túy trong nỏ còn ít nên T quay lại giao lộ T – Hà Tôn Q1 tiếp tục gặp T2 để mua thêm ma túy với số tiền 200.000 đồng. T đưa T2 số tiền 500.000 đồng, rồi yêu cầu Trung chuyển khoản cho T 300.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng TMCP Q3 của T. Trung chuyển khoản lại cho T. Sau khi nhận tiền từ T thì T2 quay lại khu vực cầu N, tìm gặp “Tí” và đưa số tiền 200.000 đồng cho “Tí”, sau đó “Tí” đưa lại T2 gói nylon chứa ma túy. T2 quay về giao lộ T – Hà Tôn Q1 gặp và đưa số ma túy vừa mua cho T. Khoảng 02 giờ 30 phút cùng ngày thì G đặt xe taxi để chở T cùng G đến địa chỉ số B đường A, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh để chơi B-da và cùng nhau sử dụng ma túy như cả hai đã thỏa thuận vào ngày 19/01/2026. Tại đây, T vào nhà vệ sinh nam để chuẩn bị dụng cụ sử dụng ma túy, T lấy gói ma túy và bộ dụng cụ sử dụng gồm ống hút và một cái nỏ. T bỏ toàn bộ ma túy mua lần 2 vào nỏ, nối với ống hút rồi dùng hộp quẹt đốt nóng nỏ. Khi khói bốc lên trong nỏ thì T bắt đầu hút khoảng 3 hơi. Sau khi hút xong T lấy giấy quần bộ dụng cụ lại rồi giấu vào thùng rác trong phòng vệ sinh rồi đi ra thông báo cho G biết để G đi vào nhà vệ sinh lấy bộ dụng cụ đốt nóng nỏ lên và hút, sau đó G ra ngoài tiếp tục chơi bi-da cùng với T. Đến khoảng 03 giờ sáng cùng ngày, G đi về nhà. Riêng T một mình đi đến khách sạn T5 địa chỉ: A H, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh để thuê ngủ thì bị Công an phường B kiểm tra như trên.

Nguyễn Quốc T2 khai nhận phù hợp với lời khai của Nguyễn Hoàng T. T2 được T 02 lần nhờ đi mua dùm ma túy, T2 đồng ý nhưng T2 không lấy tiền công chênh lệch vì là bạn bè. Mục đích T2 mua dùm ma túy cho T để sau này nếu cần gì thì T sẽ giúp lại T2. Việc T sử dụng ma túy với ai, ở đâu T2 không biết, không tham gia.

Châu N khai nhận phù hợp với lời khai của Nguyễn Hoàng T. G không biết việc T1 hùn tiền chung với T và việc T đưa ma túy cho T1 để T1 sử dụng, không biết việc T nhờ T2 mua ma túy.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) gói niêm phong, bên ngoài ghi số vụ 611/26, có chữ ký của giám định viên và cán bộ điều tra, bên trong có 01 ống thủy tinh; 01 (một) ống nhựa màu trắng; 01 (một) điện thoại di động hiệu VIVO, màu xanh (không kiểm tra tình trạng hoạt động); 01 (một) điện thoại di động hiệu S màu đen (không kiểm tra tình trạng hoạt động); 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh (không kiểm tra tình trạng hoạt động); 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung màu trắng (không kiểm tra tình trạng hoạt động).

Tại Kết luận giám định số: 3032/KL-KTHS ngày 28/01/2026 của Phòng K Công an Thành phố T6 kết luận: 01 (một) gói được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Lê Minh H1 (Điều tra viên), các dấu vân tay và hình dấu Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố T6, bên trong có 01 ống thủy tinh dính chất nghi vấn ma túy (ký hiệu mẫu m) không xác định được khối lượng, tìm thấy Methamphetamine ở dạng vết. Mẫu vật đã sử dụng hết phục vụ giám định. H2 lại gói niêm phong có chữ ký của Giám định viên và Cán bộ điều tra, bên trong có 01 ống thủy tinh.

Bản cáo trạng số: 81/CT-VKS-KV3 ngày 06/7/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Hoàng T về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm a Khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025); truy tố bị cáo Nguyễn Văn T1 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b Khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025); truy tố bị cáo Châu Ngân G về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo Khoản 1 Điều 255 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025); truy tố bị cáo Nguyễn Quốc T2 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b Khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh giữ quyền công tố luận tội và tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a Khoản 2 Điều 255; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025), xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T với mức án từ 08 (tám) năm đến 09 (chín) năm tù.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 255; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025), xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 với mức án từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 251; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025), xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T2 với mức án từ 08 (tám) năm đến 09 (chín) năm tù.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 255; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025), xử phạt bị cáo Châu Ngân G với mức án từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về vật chứng xử lý theo quy định pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến bào chữa, không tranh luận và đều nói lời nói sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa công khai, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo là phù hợp với nhau, phù hợp với kết quả xét nghiệm dương tính chất ma túy, biên bản khám xét, biên bản đối chất, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận như sau:

Bị cáo Nguyễn Hoàng T đã có hành vi cung cấp ma túy (hùn tiền cùng mua ma túy sử dụng) cho bị cáo Nguyễn Văn T1 sử dụng trái phép chất ma túy vào ngày 19/01/2026 tại nhà 181 H, phường M, Thành phố Hồ Chí Minh và cùng với bị cáo Châu Ngân G sử dụng trái phép chất ma túy vào ngày 20/01/2026 tại B Â, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, hành vi của bị cáo Nguyễn Hoàng T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, với tình tiết định khung tăng nặng là “Phạm tội 02 lần trở lên”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Bị cáo Nguyễn Văn T1 đã có hành vi cung cấp ma túy (T1 hùn tiền với T cùng mua ma túy sử dụng) và dụng cụ sử dụng ma túy cho bị cáo Nguyễn Hoàng T và Châu Ngân G sử dụng trái phép chất ma túy vào ngày 20/01/2026 tại B Â, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung tăng nặng là “Phạm tội đối với 02 người trở lên, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Bị cáo Châu Ngân G đã có hành vi cung cấp ma túy (G hùn tiền với T cùng mua ma túy sử dụng chung, việc T1 có hùn tiền với T, G không biết do T không có nói cho G biết) cho bị cáo Nguyễn Hoàng T sử dụng trái phép chất ma túy vào ngày 20/01/2026 tại B Â, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, hành vi của bị cáo Châu Ngân G đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 255 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Bị cáo Nguyễn Quốc T2 đã có hành vi mua ma túy rồi bán lại cho Nguyễn Hoàng T vào ngày 19/01/2026 và ngày 20/01/2026. Do đó, hành vi của bị cáo Nguyễn Quốc T2 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung tăng nặng là “Phạm tội 02 lần trở lên”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Xét các bị cáo là người có năng lực hành vi, đủ khả năng nhận thức được việc làm của mình, biết việc mua bán và tổ chức sử dụng chất ma túy là hành vi vi phạm pháp luật mà Nhà nước nghiêm cấm, nhưng các bị cáo bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

Trong vụ án này, đối với hành vi phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” thì T giữ vai trò chính (sau khi G rủ riêng T hùn tiền mua ma túy sử dụng) thì T nói với T1 và rủ T1 hùn tiền rồi T đi mua ma túy về để cùng sử dụng. Bị cáo T1 là người cung cấp dụng cụ để cho bị cáo T và G sử dụng ma túy vào ngày 20/01/2026 tại B Á, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Do G không biết T1 có hùn tiền với T để mua ma túy sử dụng và G cũng không có sử dụng chung với T1 nên G không phải chịu trách nhiệm về hành vi mà T1 đã sử dụng trái phép chất ma túy vào ngày 19/01/2026.

Đối với hành vi phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là do bị cáo T2 một mình thực hiện, mặc dù bị cáo T2 mua bán ma túy cho bị cáo T để T cùng với T1, G sử dụng không lấy tiền chênh lệch nhưng bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của mình.

Các bị cáo T, T2, G phạm tội có nhân thân xấu, có tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến những quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, gây nghiện và độc hại; gây mất trật tự xã hội ở địa phương, còn là nguyên nhân phát sinh các tệ nạn xã hội và các loại tội phạm khác. Do đó, cần phải có một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của từng bị cáo; nhằm mục đích giáo dục các bị cáo, bên cạnh đó có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải. Riêng bị cáo T1 phạm tội lần đầu, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo G cũng mới phạm tội lần đầu. Do đó, cần xem xét cho bị cáo T, T2 được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025); bị cáo T1, G được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[5] Về hình phạt áp dụng đối với các bị cáo: Căn cứ Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025). Hội đồng xét xử xét thấy cần phải buộc các bị cáo chấp hành hình phạt tù một thời gian nhất định, để các bị cáo có thể cải tạo thành người có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo T2 phạm tội « Mua bán trái phép chất ma túy » nhưng trong trường hợp này bị cáo chỉ mua dùm, không được hưởng lợi ; các

bị cáo T, T1, G phạm tội không vì mục đích hưởng lợi, mặc khác các bị cáo phạm tội đều có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên Hội đồng xét xử không xem xét áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố để xét xử và đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[8] Đối với đối tượng “Tí” bán ma túy cho bị can T2, hiện chưa rõ lai lịch, khi nào bắt được xử lý sau. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với chủ nhà địa chỉ số: A H, phường M, Thành phố Hồ Chí Minh không biết, không liên quan đến việc các bị cáo T, G và T1 sử dụng ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không có cơ sở xử lý. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng:

Xét 01 (một) gói niêm phong, bên ngoài ghi số vụ 611/26, có chữ ký của giám định viên và cán bộ điều tra, bên trong có 01 ống thủy tinh; 01 (một) ống nhựa màu trắng là vật phạm pháp và không còn giá trị sử dụng nên Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy.

Xét 01 (một) điện thoại di động hiệu VIVO, màu xanh (không kiểm tra tình trạng hoạt động); 01 (một) điện thoại di động hiệu S màu đen (không kiểm tra tình trạng hoạt động); 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh (không kiểm tra tình trạng hoạt động); 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung màu trắng (không kiểm tra tình trạng hoạt động) là tài sản cá nhân của các bị cáo, sử dụng vào việc phạm tội nên Hội đồng xét xử tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a Khoản 2 Điều 255; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T 08 (tám) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 11 tháng 02 năm 2026.

Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 255; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 06 tháng 02 năm 2026.

Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 251; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T2 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 06 tháng 02 năm 2026.

Căn cứ Khoản 1 Điều 255; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Châu Ngân G 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 06 tháng 02 năm 2026.

Căn cứ điểm a, c Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm a, c Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) gói niêm phong, bên ngoài ghi số vụ 611/26, có chữ ký của giám định viên và cán bộ điều tra, bên trong có 01 ống thủy tinh; 01 (một) ống nhựa màu trắng.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu VIVO, màu xanh (không kiểm tra tình trạng hoạt động); 01 (một) điện thoại di động hiệu S màu đen (không kiểm tra tình trạng hoạt động); 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh (không kiểm tra tình trạng hoạt động); 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung màu trắng (không kiểm tra tình trạng hoạt động).

(Theo Phiếu nhập kho vật chứng và tài liệu, đồ vật ngày 01/7/2026 tại Kho vật chứng, tài liệu, đồ vật số 1, Công an Thành phố T6).

Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Luật phí và lệ phí.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TpHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TpHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3;
- Cơ quan CSĐT Công an TPHCM;
- Bộ phận Thi hành án hình sự;
- Phòng PV 06 – Công an TPHCM;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3;
- Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thanh Tiền